

Bản án số: **328/2020/HS-ST**

Ngày: 23/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Can

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 318/2020/HS-ST ngày 13/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/QĐXX-ST ngày 20/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/HSST – QĐ ngày 01/12/2020 đối với bị cáo:

Bùi Tiến T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1997 tại tỉnh Thái Bình; ĐKNKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình và chỗ ở: Lang thang; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Tiến V; Con bà: Bùi Thị N; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/8/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi trộm cắp tài sản; Bị cáo đầu thú ngày 01/6/2020; tạm giữ ngày 02/6/2020. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại: Chị Vũ Quế C, sinh năm 1997**

HKTT: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Hiện ở: Phòng 301, ngõ 204 đường T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị Huyền T1, sinh 2000.

HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa

2. Anh Nguyễn Hùng C1, sinh 1989.

HKTT: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Tiến T không có nghề nghiệp và nơi cư trú ổn định. Khoảng tháng 02/2020, T làm thử việc tại Công ty cổ phần thương mại và du lịch A, địa chỉ số 219 phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Quá trình thử việc tại đây, T biết chị Vũ Quế C (lý lịch nêu trên) có nhu cầu đổi tiền Việt Nam đồng sang tiền đô la Mỹ. Lúc đó, do không có tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ, T nảy ý định chiếm đoạt tiền của chị C. Mặc dù T không có khả năng và mối quan hệ với bất cứ ai để đổi được tiền Việt Nam đồng sang tiền đô la Mỹ nhưng T nói dối chị C là T có chị gái ruột đang có một số tiền đô la Mỹ không có nhu cầu sử dụng. T sẽ bảo chị gái đổi cho C với giá 2.330.000 đồng/100 đô la Mỹ, rẻ hơn so với thị trường. Để chị C tin tưởng, T sử dụng phần mềm Skyped cài đặt trên điện thoại di động của T, tạo một tài khoản facebook có tên “Thuy Tan”, giả mạo là tài khoản của chị gái T. T tạo ra các nội dung tin nhắn có nội dung giả là T nhắn tin với chị gái mình và được chị gái đồng ý đổi đô la Mỹ cho C với giá như trên. Sau đó, T chụp ảnh màn hình các nội dung tin nhắn này, gửi tin nhắn cho chị C. Chiều ngày 17/3/2020, T, chị C, cùng anh Nguyễn Văn N (sinh: 1990, HKTT: Phòng 2826 tòa HH4B, Khu đô thị L phường H, quận H, thành phố Hà Nội) cùng là nhân viên Công ty ngồi uống nước tại Công ty (địa chỉ số 219 phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội) thì T và chị C nói chuyện T có thể đổi tiền đô la Mỹ. T yêu cầu chị C giao tiền cho T để T đổi sang tiền đô la Mỹ, hẹn đến ngày hôm sau sẽ mang đưa cho chị C, chị C tin tưởng nên đồng ý. Chị C nói với T cần đổi 3.800 đô la Mỹ (tương đương 88.540.000 đồng). Chị C đã đưa trực tiếp cho T số tiền 6.540.000 đồng. Ngay lúc đó, do chị C không có đủ tiền mặt đưa cho T nên nói là sẽ chuyển khoản, T bảo chuyển khoản nhờ vào tài khoản của anh N vì tài khoản của T không rút được do bị mất chứng minh thư nhân dân. Anh N đồng ý giúp T và C cho chuyển khoản nhờ và sẽ đi rút tiền cho T. Chị C đã chuyển khoản 02 lần vào tài khoản số 0351000xxxxx đứng tên anh Nguyễn Văn N tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, lần 1 là 62.000.0000 đồng, lần 2 là 20.000.000 đồng, tổng 02 lần chuyển khoản là 82.000.000 đồng. Ngay sau đó, T cùng anh N đi đến chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam tại số 187 phố T để anh N rút 82.000.000 đồng đưa cho T. Toàn bộ số tiền này, T không liên hệ với ai

để đổi tiền cho chị C mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau khi đi cùng anh N rút tiền ở ngân hàng, T tiếp tục nhắn tin nói chị C gửi 2.000.000 đồng vào số tài khoản 02110005xxxxx đứng tên Hoàng Thị Huyền T1 (sinh 2000; HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh), hẹn hôm sau sẽ trả. Chị C đồng ý và đã chuyển khoản số tiền cho T1. Đến tối cùng ngày, T nói dối chị C là chị gái T hiện có nhu cầu đổi thêm 800 đô la Mỹ nữa, chị C đồng ý. T yêu cầu chị C chuyển khoản số tiền 17.000.000 đồng vào số tài khoản 1903404xxxxxx đứng tên Trần Huy Đ (sinh 1998; HKTT: Tổ 6 phường N. thành phố H, tỉnh Hà Giang) tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam. T nói dối chị C đây là tài khoản của anh rể T, chị C tin tưởng nên tiếp tục chuyển khoản số tiền theo yêu cầu của T để mua đô la Mỹ. Đến sáng ngày 18/3/2020, do không có đô la Mỹ mang cho chị C nên T tiếp tục nói dối đang bị sốt, không lên Công ty được và hẹn cuối buổi chiều sẽ mang tiền cho chị C. Đến chiều cùng ngày, T tiếp tục nói dối chị gái T có thể đổi được 600 đô la Mỹ nữa thì chị C đồng ý đổi tiền. T yêu cầu chị C chuyển số tiền 12.000.000 đồng vào tài khoản của Trần Huy Đ và 3.000.000 đồng vào số tài khoản 5270xxx đứng tên Nguyễn Hùng C1 (sinh 1989; HKTT: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình) tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu. Tin tưởng T, chị C đã chuyển tiền vào các số tài khoản trên. Sau đó, T tắt máy điện thoại không cho chị C liên lạc, bỏ làm việc tại Công ty và trốn tránh tại các nơi không cố định. Đến ngày 01/06/2020, T đến Công an quận Cầu Giấy xin đầu thú.

Lời khai của chị Vũ Quế C phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Bùi Tiến T khai số tiền chuyển cho chị Hoàng Thị Huyền T1 2.000.000 đồng, chuyển cho anh Nguyễn Hùng C1 3.000.000 đồng để trả nợ, chuyển 29.000.000 đồng vào tài khoản Trần Huy Đ để trả tiền chơi game, số tiền còn lại T đã chi tiêu cá nhân hết. Việc thực hiện hành vi lừa đảo chị C, T thực hiện một mình không có ai tham gia cùng. Hiện T không có khả năng khắc phục hậu quả.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra, cho T thực hiện lại hành vi tạo lập tài khoản giả của chị gái của T và gửi hình ảnh tập đô la Mỹ cho chị C. Dẫn giải T xác định được nơi rút số tiền 82.000.000 đồng tại số 187 phố T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Cơ quan điều tra đã ghi lời khai anh Nguyễn Hùng C1, chị Hoàng Thị Huyền T1 khai nhận phù hợp với lời khai của T. Anh C1 đã giao nộp số tiền 3.000.000 đồng, chị T1 giao nộp số tiền 2.000.000 đồng. Anh C1 và chị T1 đều không biết đó là tiền do phạm tội mà có. Anh C1, chị T1 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Xác minh tại công an phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang xác định Trần Huy Đ có hộ khẩu thường trú tại đây nhưng gia đình đã bán nhà chuyển đi từ năm 2016, địa phương không rõ đi đâu. Xác minh tại xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam là quê quán của Đ nhưng hiện Đ không sinh sống tại địa phương. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách tài liệu liên quan đến đối tượng Trần Huy Đ để xử lý sau.

Ngày 28/10/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Cầu Giấy đã ra lệnh phong tỏa tài khoản số 19034045xxxxx mang tên Trần Huy Đ tại Ngân hàng

thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam nhưng toàn bộ số tiền trong tài khoản này đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam phong tỏa vào trong vụ án Tổ chức đánh bạc mà Công an tỉnh Hà Nam đang điều tra. Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã có công văn yêu cầu trả lời về việc xử lý số tiền trong tài khoản thì được Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam phúc đáp không chấp nhận việc xử lý số tiền trong tài khoản đang bị phong tỏa để trả cho người bị hại trong vụ án này vì số tiền trong tài khoản đang có căn cứ xác định là tang vật trong vụ án Tổ chức đánh bạc.

Về dân sự: Chị Vũ Quế C yêu cầu Bùi Tiến T trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt đồng thời chị yêu cầu T trả cho chị số tiền 2.000.000 đồng đã vay của chị khi nhờ chị chuyển khoản 2.000.000 đồng cho chị Hoàng Thị Huyền T1 vào ngày 17/3/2020.

Tại bản cáo trạng số **319/CT-VKSCG** ngày 11/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy truy tố Bùi Tiến T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điểm c khoản 2 điều 174; điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Bùi Tiến T.

Xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Trả cho chị Vũ Quế C số tiền 5.000.000 đồng hiện đang lưu giữ tại Kho bạc nhà nước quận Cầu Giấy. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho chị C.

Về dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường trả lại số tiền 117.540.000 đồng cho chị Vũ Quế C.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo xác nhận số tiền 2.000.000 đồng bị cáo nhờ chị C chuyển khoản vào tài khoản của chị Hoàng Thị Huyền T1 là tiền vay nợ riêng giữa bị cáo và chị C, không phải là tiền bị cáo lừa chị C đổi tiền đô la Mỹ. Bị cáo xác nhận nợ và đồng ý trả cho chị C số tiền 2.000.000 đồng và đề nghị được khấu trừ vào số tiền đang thu giữ. Người bị hại có mặt tại phiên tòa, yêu cầu bị cáo T bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, người bị hại xác nhận số tiền 2.000.000 đồng đã chuyển cho chị Hoàng Thị Huyền T1 là tiền bị cáo vay nợ, nay chị yêu cầu bị cáo thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết luôn yêu cầu đòi nợ của chị trong vụ án này. Chị không yêu cầu tính lãi của số tiền 2.000.000 đồng này. Người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị Huyền T1, anh Nguyễn Hùng C1 vắng mặt tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi chị Vũ Quế Chinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những lời khai của bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập, có đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 17/3/2020 và 18/3/2020 tại số 219 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Bùi Tiến T đã dùng thủ đoạn gian dối, tạo ra tin nhắn giả và gây dựng niềm tin việc bị cáo có thể đổi tiền việt nam đồng sang tiền đô la Mỹ nhưng thực tế bị cáo hoàn toàn không có khả năng thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của chị Vũ Quế C.

Xét số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị Vũ Quế C: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy xác định tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị Vũ Quế C là 122.540.000 (một trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng. Tuy nhiên, qua kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại đều thống nhất trình bày số tiền 2.000.000 đồng chị C chuyển khoản vào tài khoản của chị Hoàng Thị Huyền T1 theo yêu cầu của bị cáo T là số tiền bị cáo vay chị C, không phải là số tiền chị C chuyển khoản để thanh toán tiền đổi đô la Mỹ. Vì vậy, không có căn cứ xác định số tiền 2.000.000 đồng này là số tiền bị cáo chiếm đoạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định tổng số tiền bị cáo Bùi Tiến T chiếm đoạt của chị Vũ Quế C là 120.540.000 (một trăm hai mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm phạm trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Bị cáo là người có nhân thân xấu, hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh khởi tố về hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo, áp dụng hình phạt tù giam nghiêm khắc nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn, hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo ra đầu thú nên cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 bộ Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, nên miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] *Về phần dân sự:* Bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường trả cho chị Vũ Quế C số tiền 120.540.000 đồng và trả cho chị C số tiền 2.000.000 đồng vay nợ.

[7] *Về xử lý vật chứng:* Số tiền 5.000.000 đồng anh Nguyễn Hùng C1, chị Hoàng Thị Huyền T1 nộp lại cơ quan công an là tiền bị cáo chiếm đoạt của chị Chinh nên cần trả lại cho chị C.

[8] Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Bùi Tiến T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174; điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt : Bùi Tiến T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đầu thú 01/6/2020.

Hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Áp dụng các điều 463, 466, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Bùi Tiến T có nghĩa vụ bồi thường cho chị Vũ Quế C số tiền 120.540.000 đồng (một trăm hai mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), được khấu trừ 3.000.000 (ba triệu) đồng trong tổng số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng hiện đang bị thu giữ. Bị cáo T còn phải thanh toán cho chị C số tiền 117.540.000 đồng (một trăm mười bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bị cáo Bùi Tiến T có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị Vũ Quế C số tiền vay nợ là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Khấu trừ vào số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng hiện đang bị thu giữ, Bị cáo T đã thanh toán xong khoản vay nợ đối với chị C.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan thi hành án đã ra quyết định thi hành, nếu người phải thi

hành án không nộp đủ số tiền thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về xử lý vật chứng: Trả cho chị Vũ Quế Chinh số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.1049179 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy mở tại Kho bạc nhà nước quận Cầu Giấy.

* Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 điều 23, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Mục I; điểm b khoản 1.3 điều 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 kèm theo Nghị quyết số 326. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 5.977.000 (năm triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần quyết định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội;
- Công an Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội;
- Thi hành án Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội;
- Sở tư pháp TP Hà Nội;
- Bị cáo; Người bị hại, Người có QLNVLQ
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú

